



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Thời gian	Stt	Nội dung
Từ 7g30 đến 8g00	1	Đón tiếp đại biểu, đăng ký danh sách dự họp và phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho cổ đông
Khai mạc Đại hội đồng cổ đông		
Từ 8g00 đến 8g20	2	Chào cờ. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự
	3	Báo cáo kiểm tra điều kiện cổ đông tham dự Đại hội
	4	Trình Đại hội thông qua danh sách Chủ tịch đoàn, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu
	5	Thông qua Chương trình, Nội quy, Quy chế làm việc của Đại hội
Nội dung Đại hội đồng cổ đông		
Từ 8g20 đến 9g30	6	* Diễn văn khai mạc Đại hội. * Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2024; Nhiệm vụ năm 2025
	7	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024
	8	Thông qua các Tờ trình xin ý kiến biểu quyết: 1. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán 2. Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch năm 2025. 3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024. 4. Phân phối lợi nhuận - trích lập các quỹ năm 2024. 5. Tiền lương chuyên trách và thù lao năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phụ trách quản trị. 6. Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. 7. Tờ trình bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030.
Từ 9g30 đến 10g00	9	Đại hội thảo luận và trả lời ý kiến cổ đông của Chủ tịch đoàn
Từ 10g00 đến 10g15	10	Biểu quyết, bầu cử thông qua các nội dung tại cuộc họp
Từ 10g15 đến 10g30	11	Giải lao (<i>Ban kiểm phiếu làm việc</i>)
	12	Phát biểu của Tổng công ty CNTP Đồng Nai (nếu có)

Từ 10g30 đến 11g30	13	Ban kiểm phiếu Báo cáo kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội, kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS NK 2025- 2030 * HĐQT, BKS nhiệm kỳ cũ hết nhiệm kỳ. * HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới ra mắt trước Đại hội và họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS. Công bố trước Đại hội.
	14	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
	15	Phát biểu cảm ơn của Ban Lãnh đạo Công ty, tuyên bố bế mạc Đại hội. Chào cờ.



Số: /BC.HĐQT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Kính thưa Quý vị đại biểu và Quý cổ đông Công ty

Trước tiên, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty xin cảm ơn và nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt tham dự Đại hội của Quý vị đại biểu và Quý cổ đông của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

Với nhiệm vụ và quyền được quy định trong Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Hội đồng trong năm 2024 và định hướng chiến lược, kế hoạch mục tiêu Hội đồng quản trị giao Ban Điều hành thực hiện năm 2025 và thời gian tiếp theo như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Thuận lợi và khó khăn

- Công ty Docam là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành phân bón, nông sản; có uy tín, thương hiệu và tình hình tài chính lành mạnh.

- Trong năm 2024, kinh tế thế giới vẫn tồn tại nhiều rủi ro, thách thức; đặc biệt là căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông, Ukraina đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nhập khẩu hàng hoá của Công ty, do chi phí vận chuyển, lưu thông hàng hoá tăng cao, đặc biệt là sự gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hoá từ Trung Đông về Việt Nam; cạnh tranh về thương mại gia tăng; rủi ro an ninh năng lượng, thiên tai và khí hậu cực đoan vẫn thường trực, trong khi lạm phát và lãi suất dù giảm nhưng còn cao, khiến rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn hiện hữu.

- Tỷ giá trong năm 2024 diễn biến bất thường ảnh hưởng không nhỏ đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá.

- Hoạt động kinh doanh nông sản (mì lát) của Công ty bị giảm mạnh do tình hình dịch bệnh nên đối tác là các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản không mua hàng hoặc mua rất ít.

2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh năm 2024

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 so với 2023 và so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	TH/KH 2024 (%)	Thực hiện 2024/2023 (%)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	20.000	19.654	21.358	98,27	92,02
Doanh thu thuần	Tr.đ	180.350	219.955	236.329	121,96	93,07
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.700	4.951	5.920	105,34	83,63
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.760	3.939	4.717	104,76	83,50
Nộp ngân sách	Tr.đ	1.469	1.688	2.173	114,90	77,68
Cổ tức	%	2.7%	3%	4%	111,11	75

Năm 2024 là năm có nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty cũng như tất cả các công ty kinh doanh phân bón, nông sản. Trong bối cảnh đó, Công ty đã nỗ lực hết sức, thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh linh hoạt, tận dụng mọi cơ hội để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2024 giảm so với cùng kỳ do bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Tổng sản lượng tiêu thụ đạt mức 19.654 tấn giảm 7,98% so với năm 2023 và bằng 98,27% chỉ tiêu kế hoạch năm đề ra. Mặc dù sản lượng chưa đạt 100% so với kế hoạch nhưng đây cũng là kết quả khá tích cực và đầy nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức tiêu thụ toàn xã hội đều giảm trong năm qua. Giá phân bón giảm từ đỉnh cùng với việc giảm sản lượng tiêu thụ đã làm cho doanh thu thuần của Công ty trong năm qua chỉ đạt 219.955 triệu đồng, giảm 6,93% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên Công ty vẫn vượt kế hoạch doanh thu được giao 21,96%. Sau giai đoạn (năm 2021, 2022) giá phân bón đạt đỉnh do thiếu nguồn cung trên thế giới nhưng từ năm 2023 và sang năm 2024 giá phân bón bắt đầu sụp giá mạnh, trở lại giá trị thực của nó nên lợi nhuận gộp đi từ phân bón thấp. Trong năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 4.951 triệu đồng tương đương 105,34% so với kế hoạch và bằng 83,63% so với năm 2023.

Tóm lại, Công ty đã hoàn thành vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

2.2 Cơ cấu sản phẩm:

Sản phẩm kinh doanh	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024/2023 (%)	TH/KH 2024 (%)
- Phân bón kinh doanh	Tấn	15.617	19.144	16.995	122,58%	112,64%
- Nông sản (khoai mì)	Tấn	5.733	505	3.000	8,80%	16,83%
- Lúa giống	Tấn	9	5	5	55,55%	100,00%
Cộng sản lượng:	Tấn	21.359	19.654	20.000	92,01%	98,27%

Trong năm qua, do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn nên sản lượng hàng bán ra công ty đã giảm từ 21.359 tấn năm 2023 xuống còn 19.654 tấn, tương ứng với mức giảm 7,98%; tổng sản lượng tiêu thụ hàng hóa của Công ty thực hiện giảm nhẹ khoảng 1,73% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, phân bón vẫn là mặt hàng kinh doanh chính chủ lực và quan trọng nhất của Công ty khi chiếm đến 97,40% tổng sản lượng. Năm nay phân bón tiêu thụ tăng 12,64% so với dự kiến ban đầu, bù đắp phần sụt giảm nghiêm trọng của mặt hàng nông sản khoai mì. Ngược lại với phân bón có mức tăng trưởng khá, thì mặt hàng còn lại là nông sản khoai mì ghi nhận mức đạt 16,83% so kế hoạch và chỉ bằng 8,80% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân là do các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi không mua hàng vì tình hình dịch bệnh trên vật nuôi, làm sản lượng sụt giảm 2.500 tấn so với dự kiến khi xây dựng kế hoạch.

2.3 Cơ cấu doanh thu

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện được 219,955 tỷ đồng, bằng 93,07% so với cùng kỳ năm 2023. Chi tiết doanh thu năm 2024 như sau:

Mặt hàng	Năm 2023 (Triệu đồng)	Năm 2024 (Triệu đồng)	Năm 2024/2023 (%)
Doanh thu phân bón kinh doanh	195.958	213.958	109,18%
Doanh thu nông sản (khoai mì)	37.222	3.115	8,36%
Doanh thu Hạt giống	115	79	68,69%
Doanh thu dịch vụ, khác	3.034	2.803	92,38%
Tổng Doanh thu	236.329	219.955	93,07%

Năm 2024, tổng doanh thu đạt 219.955 triệu đồng tương ứng với mức giảm 6,93% so với cùng kỳ năm trước và đạt 121,96% so với kế hoạch.

Trong đó, doanh thu phân bón đạt 213.958 triệu đồng tăng 9,18% so với năm 2023. Là do sản lượng phân bón kinh doanh tăng 22,58% so với cùng kỳ, song giá bán giảm, nên doanh thu bán phân bón không tăng tương ứng. Tiếp đến nông sản (khoai mì) là mặt hàng kinh doanh quan trọng thứ hai của Công ty năm nay chỉ chiếm tỷ trọng 1,42% tổng doanh thu. Doanh thu nông sản chỉ đạt 3.115 triệu đồng với mức sụt giảm 81,64% so với năm 2023. Nguyên nhân do sụt giảm sản lượng 2.500 tấn khoai mì như đã phân tích ở phần cơ cấu sản phẩm.

Ngoài ra, doanh thu đến từ kinh doanh hạt giống và cung cấp dịch vụ khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ lần lượt là 0,03% và 1,27% trong năm 2024 nhưng đều ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do có khách hàng trả kho thuê vì ảnh hưởng bởi lộ trình di dời Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

Nhìn chung cơ cấu doanh thu năm 2024, doanh thu phân bón chiếm trọng cao 97% đã có sự tăng trưởng so với năm 2023, doanh thu các mặt hàng khác của Công ty đều giảm so với năm 2023.

2.4 Cơ cấu lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023 (đồng)	Thực hiện 2024 (đồng)	Tỷ trọng 2024 (%)	So sánh 2024/2023 (%)
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.918.580.461	4.921.657.423	99,39%	83,16%
2	Lợi nhuận khác	2.036.372	30.191.437	0,61%	148,28%
	Tổng cộng:	5.920.616.833	4.951.848.860	100%	83,63%

Năm 2024 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 105,35% kế hoạch và bằng 83,63% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gần như toàn bộ (99,39%) là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh phát sinh từ hai mặt hàng phân bón và nông sản (mì lát), trong đó, mặt hàng phân bón đóng góp phần lợi nhuận chủ yếu quyết định trong năm 2024.

Đánh giá chung:

Năm 2024, bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu tác động mạnh từ những diễn biến chính trị và tài chính, khiến hoạt động thương mại hàng hoá đối mặt với nhiều

thách thức, đặc biệt là tình hình chiến sự leo thang làm gián đoạn chuỗi cung ứng, tỷ giá biến động bất thường đã tạo ra áp lực đáng kể lên các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp trong ngành phân bón.

Trong điều kiện chung của nền kinh tế còn vô vàn khó khăn, trong đó có ngành kinh doanh phân bón, nông sản thì kết quả đạt được như trên là sự cố gắng của tập thể Ban Điều hành và tập thể người lao động Công ty. Năm 2024, Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ, các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh do chủ sở hữu nhà nước, Đại hội đồng cổ đông giao, bảo toàn và phát triển vốn, giữ được thị phần, cung cấp nguồn phân bón chất lượng đến tay người nông dân.

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, Công ty đạt doanh thu thuần 219,9 tỷ đồng tương đương 121,96% kế hoạch; sản lượng tiêu thụ đạt 19.654 tấn bằng 98,27% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 4,951 tỷ đồng bằng 105,35% kế hoạch. Khả năng tài chính của công ty tốt, đã bảo toàn phát triển vốn của chủ sở hữu. Trong quá trình hoạt động, công ty tuân thủ tốt nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách theo quy định. Công ty đã duy trì được việc làm thường xuyên cho công nhân viên, đời sống vật chất, tinh thần người lao động được cải thiện, thu nhập bình quân người lao động khá cao; công ty đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm cho người lao động. Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh-tài chính được cấp thẩm quyền giao. Qua đó cũng là cơ sở quan trọng để Hội đồng quản trị đề xuất dự kiến mức chia cổ tức cho các cổ đông.

3. Hoạt động và thù lao của HĐQT năm 2024

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên giúp Ban Điều hành thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả và được lưu giữ theo quy định.

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 vào ngày 17/5/2024 và triển khai 06 phiên họp HĐQT để thảo luận và thông qua nhiều vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT, ban hành 06 nghị quyết và 02 thông báo, tài liệu liên quan.

- Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT có mời Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành.

- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho các ý kiến bằng văn bản, góp phần đạt kết quả kinh doanh năm 2024 mà ĐHĐCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán, giám sát,... đã được thực thi nghiêm túc, cẩn trọng. Các thành viên HĐQT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển ổn định của Công ty.

- HĐQT giám sát, chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy Ban Chứng

khoản Nhà nước. Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên, thực hiện nghiêm túc Báo cáo tài chính năm, Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng và cả năm, Báo cáo thường niên.

3.2. Thù lao, tiền lương và chi phí của HĐQT năm 2024

Việc chi trả thù lao, lương, thưởng của HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát (gọi chung là Người quản lý Công ty) được thực hiện theo đúng nghị quyết của ĐHCĐ năm 2024 họp ngày 17/5/2024, các quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội và Văn bản số 157/TCTCNTP-HĐTV ngày 24/3/2025 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai v/v chấp thuận Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty; chi tiết như sau:

Stt	Người quản lý Công ty	Tổng lương công việc (đồng)	Tổng thù lao (đồng)
I	Hội đồng quản trị:		
1	Phan Thị Anh Thy - TV chuyên trách, Chủ tịch HĐQT	583.750.480	/
2	Cao Hùng Lai - TV. PCT	/	60.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Quy – TV	/	36.000.000
II	Ban Kiểm soát:		
1	Đoàn Tuấn Anh – TBKS	266.670.824	/
2	Trương Nguyễn Ngọc Hòa - TV	/	30.000.000
3	Nguyễn Thị Diệu Linh – TV	/	30.000.000
III	Ban điều hành:		
1	Cao Hùng Lai – Phó Giám đốc	403.109.650	/
2	Ngô Huỳnh Minh – KTT	340.069.046	/

Đánh giá chung: Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với những biến động lớn, việc duy trì sự tăng trưởng và ổn định cho doanh nghiệp là một thách thức không nhỏ. Tại Docam, các chiến lược kinh doanh đã được triển khai đã phản ánh sự linh hoạt trong quản lý và sự quyết tâm của HĐQT, Ban Điều hành cùng các cán bộ quản lý. Nhờ đó, Docam không chỉ vượt qua khó khăn mà còn vượt chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra, tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định trong giai đoạn mới.

B. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. Mục tiêu chủ yếu của công ty

Khẳng định vị thế là doanh nghiệp cung ứng phân bón đảm bảo chất lượng tại khu vực Đông Nam bộ và Tây nguyên.

II. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và gia tăng lợi ích cho các bên liên quan.
- Tập trung vào các hoạt động kinh doanh có khả năng tạo ra giá trị; tăng cường quản lý rủi ro, tối ưu hóa hiệu suất tài chính để đảm bảo sự ổn định, bền vững cho công ty.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, lâu dài với các nhà cung ứng và đại lý, khách hàng lâu năm để tối đa hóa giá trị chuỗi cung ứng.

- Phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của DOCAM là nền tảng vững chắc, điểm tựa giúp Công ty phát triển bền vững. Xây dựng môi trường làm việc tích cực và đảm bảo sự hài lòng, cam kết từ người lao động.

- Tìm kiếm vị trí phù hợp trong Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp để xây dựng Trụ sở chính và nhà kho với quy mô phù hợp để ổn định sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững trong tương lai.

III. Định hướng và kế hoạch năm 2025

1. Dự báo và định hướng:

- Trong những tháng đầu năm, kinh tế thế giới đầy biến động, bất ổn, khó lường; kinh tế trong nước chưa bền vững, giá cả biến động thất thường do chính sách thuế của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU,... và đặc biệt là cuộc xung đột vũ trang tại khu vực Trung Đông ngày càng leo thang đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong quý 1/2025 tỷ giá USD tăng mạnh và dự báo giá USD sẽ còn tiếp tục tăng tiếp trong năm 2025. Tỷ giá này không có lợi cho hoạt động nhập khẩu phân bón, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty rất nhiều.

- Giá phân bón diễn biến khó lường do chính sách áp thuế bất ngờ lên phân bón của Mỹ trong quý 1/2025, việc hạn chế xuất khẩu phân bón của Trung Quốc và mới đây nhất (22/5/2025) là chính sách thuế áp lên phân bón và nông sản từ Nga và Belarus của EU. Trong quý 1/2025 giá phân bón đã có sự biến động bất thường, rủi ro cao (giá lên nhanh và xuống rất nhanh với biên độ giao động giá rất lớn).

- Đầu năm giá nông sản (khoai mì) giảm khoảng 20-25% so với cùng kỳ năm trước song các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản vẫn hạn chế mua hàng hoặc mua rất ít. Kinh doanh khoai mì lát trong năm 2025 của công ty tiếp tục đối mặt với những khó khăn tương tự năm trước; việc tiêu thụ mặt hàng khoai mì lát cho các nhà máy thức ăn chăn nuôi/thủy sản không mang tính khả thi cao. Công ty đang tìm kiếm hợp tác với các đối tác khác ngoài nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi để kinh doanh mặt hàng này.

- Từ tháng 7/2025 Chính phủ áp thuế VAT 5% lên phân bón, điều này sẽ làm tăng giá bán các mặt hàng nhập khẩu công ty có ưu thế như nhóm phân Kali, phân SA,... (đây là những mặt hàng phân bón Việt Nam không thể sản xuất được), điều này tất yếu sản lượng tiêu thụ sẽ giảm.

- Do chiến sự ở khu vực Trung Đông, Biển Đỏ nên trong năm 2024 những mặt hàng chiến lược của Công ty đi từ Jordan không về kịp thời gian giao hàng cũng như làm tăng rất cao chi phí bảo hiểm, logistics,... Dự báo điều này sẽ tiếp tục leo thang trong năm 2025, vì vậy để đối phó công ty sẽ phải mua dự trữ trước, việc này sẽ làm suy giảm lợi nhuận những mặt hàng này.

- Nguồn thu cho thuê kho nhân rồi tại KCN Biên Hòa 1 sẽ không còn do khách hàng trả kho thuê do KCN phải di dời.

- Khó khăn tác động lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty trong năm 2025 là việc phải di dời trụ sở chính và hệ thống kho bãi ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Công ty nhận được Thông báo số 416/TB-UBND ngày 11/4/2025 của UBND TP. Biên Hòa về thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại- dịch vụ và cải thiện môi trường.

2. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2025:

- Sản lượng tiêu thụ: 18.000 tấn (phân bón: 14.995 tấn; nông sản và lúa giống: 3.005 tấn)

- Tổng Doanh thu: 202.605 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5.050 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 4.040 triệu đồng
- Các khoản phải nộp ngân sách: 1.300 triệu đồng
- Cổ tức: tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.

2.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

Nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, nhất là phải nỗ lực tối đa để phấn đấu cao nhất trong việc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch được giao, bảo đảm hiệu quả kinh doanh, Công ty cần quyết liệt triển khai một số biện pháp như sau:

1/ Xác định phân bón và nông sản vẫn là 02 mặt hàng cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, bên cạnh đó vẫn tiếp tục duy trì hoạt động dịch vụ cho thuê kho (nhàn rỗi) để tránh lãng phí tài sản.

2/ Đối với hoạt động thương mại phân bón: cần tập trung, vận dụng tất cả các biện pháp để làm tốt công tác cung ứng phân bón, đặc biệt là phân bón cho vụ Hè Thu, vụ mùa và vụ thuốc lá năm 2025, nhằm mang lại lợi nhuận tốt nhất cho công ty. Tích cực liên hệ để bán phân bón vào các nhà máy sản xuất.

3/ Về kinh doanh nông sản (khoai mì lát,...) tiếp tục khảo sát tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, quan tâm hợp tác kinh doanh liên kết với cổ đông lớn và các đơn vị thuộc tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

4/ Xây dựng và triển khai kế hoạch di dời trụ sở công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 (thuê văn phòng làm việc, nhà kho,...) để không bị gián đoạn hoạt động kinh doanh khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất. Tiến hành thanh lý tài sản cố định gắn liền với đất và tài sản không sử dụng khi di dời với tổng số 32 tài sản, tổng nguyên giá: 16.570.700.345 đồng, đã khấu hao hết, giá trị còn lại: 0 đồng (Bảng chi tiết đính kèm báo cáo tại Đại hội).

5/ Sử dụng có hiệu quả các diện tích đất, tài sản đang quản lý, góp phần tăng doanh thu cho công ty.

6/ Có phương án sử dụng lao động hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh; quan tâm tình hình đời sống, bảo đảm thu nhập, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chính sách cho người lao động.

7/ Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, xây dựng đội ngũ kế thừa.

8/ Áp dụng phương thức chuyển đổi số trong quản lý và kinh doanh của công ty.

3. Hoạt động đầu tư:

Khẩn trương xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để phục vụ cho việc di dời trụ sở chính của công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan thẩm quyền. Do thủ tục đầu tư rất dài nên trước mắt trong năm 2025 Công ty sẽ tiến hành thuê văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa trong vòng 2 –

3 năm. Song song đó, tiến hành thủ tục chuẩn bị đầu tư mới nhà văn phòng làm việc và nhà kho với quy mô phù hợp tại địa điểm mới (trong khu công nghiệp/cụm công nghiệp) để trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện đầu tư.

Do vậy, Công ty chưa có kế hoạch đầu tư cụ thể triển khai trong năm 2025.

Kính thưa Đại hội,

Với quyết tâm cao của HĐQT, của Ban Điều hành và toàn thể công nhân viên, người lao động công ty, cùng với các ý kiến đóng góp xây dựng của quý vị cổ đông ngay tại Đại hội này (cũng như tại bất cứ thời điểm nào khác), chúng tôi tin tưởng rằng sẽ mang lại những tác động hữu ích, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng được ngày càng tốt hơn.

HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Docam nỗ lực hết sức để vượt qua thách thức, khó khăn của năm 2025, tạo đà tăng trưởng cho thời gian tiếp theo; Qua đó gia tăng giá trị cho các cổ đông.

Kính chúc Quý vị đại biểu, toàn thể Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu HC, HĐQT.

Phan Thị Anh Thy

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
Năm 2024

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai.

Căn cứ Báo cáo tài chính 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 284/2025/KT-RSMHCM ngày 24/03/2025.

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty năm 2024 như sau:

PHẦN A: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH – QUẢN LÝ VỐN, TÀI SẢN

I. Kết quả kinh doanh

1. So sánh kế hoạch

NỘI DUNG	ĐVT	TH 2024	KH 2024	% TH/KH 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	219.955,0	180.350	121,96%
2. Tổng Sản lượng	tấn	19.654,2	20.000	98,27%
Trong đó:				
- Phân bón các loại	tấn	19.144,5	16.995	112,65%
- Nông sản, thức ăn gia súc và loại khác	tấn	505,1	3.000	16,83%
- Lúa Giống	tấn	4,6	5	92,00%
3. Lợi nhuận trước thuế	trđ	4.951,8	4.700	105,36%
4. Lợi nhuận sau thuế	trđ	3.939,4	3.760	104,76%
5. Phải nộp ngân sách nhà nước	trđ	1.688,5	1.469	114,94%
6. Cổ tức	%	3%	2.7%	111,11%

2. So sánh cùng kỳ

NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022	2024 so với 2023 tăng (+), giảm (-)		2023 so với 2022 tăng (+), giảm (-)	
					Giá trị	%	Giá trị	%
1. Doanh thu BH và DV	trđ	219.955	236.329	369.870	-16.374	-7,0%	-133.541	- 36,10%
2. Doanh thu tài chính	trđ	4.930	7.520	4.650	-2.590	- 34,44%	2.870	+ 61,72%
3. Thu nhập khác	trđ	44	2	82	42	+2.200%	-80	- 97,56%
4. Lợi nhuận trước thuế	trđ	4.951	5.921	22.344	-969	-16,37%	-16.423	- 73,50%
5. Lợi nhuận sau thuế	trđ	3.939	4.717	17.821	-778	-16,49%	-13.104	- 73,53%

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2024 đạt 121,96% so với kế hoạch và giảm 7,0% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 4.951,8 triệu đồng đạt 105,36% so với kế hoạch và giảm 16,37% so với cùng kỳ năm 2023. Cơ cấu lợi nhuận như sau:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là: 4.921,6 triệu đồng,
- Lợi nhuận khác là: 30 triệu đồng.

II. Tình hình tài chính

1. Khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ suất LN sau thuế/DTT (ROS)	%	1,79	2,00
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,26	3,76
3	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	3,72	4,38
4	Tỷ suất LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,24	2,50

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 3.939 triệu đồng, giảm 16,49% so với năm 2023. Điều này làm các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2024 có giảm hơn năm trước. Chỉ số ROA và ROE lần lượt là 3,26% và 3,72% giảm hơn so với năm 2023.

2. Khả năng thanh toán

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	8,07	8,02
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,45	7,72
3	Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	%	12,30	12,34
4	Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	14,02	14,08

Trong năm, khả năng thanh toán của DOCAM có biến động nhẹ trong năm 2024 nhưng không đáng kể, vẫn duy trì ở mức cao cho thấy công ty có khả năng tự chủ tốt. Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty tăng từ 8,02 lần lên 8,07 lần, chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm từ 14.987 triệu đồng về 14.758 triệu đồng, tương ứng giảm 1,53% so với cùng kỳ và giảm nhiều hơn tài sản ngắn hạn. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn của công ty ghi nhận mức giảm nhẹ 0,93% so với cùng kỳ năm trước do dòng tiền ứng trước từ khách hàng giảm.

Bên cạnh đó, khả năng thanh toán nhanh của công ty có xu hướng giảm từ 7,72 lần xuống mức 7,45 lần nguyên nhân là do hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản tăng khá mạnh khoảng 103,92% so với năm trước, làm giảm khả năng chuyển đổi tài sản ngắn hạn thành tiền mặt nhanh chóng.

Khả năng thanh toán của DOCAM nhìn chung đã giảm nhẹ trong năm vừa qua nhưng không đáng kể và các hệ số thanh toán vẫn được duy trì ở mức cao nên Công ty có khả năng tự chủ rất tốt và vẫn hạn chế được rủi ro thanh khoản trước tình hình kinh tế khó khăn trong năm vừa qua.

Tỷ số nợ trên tổng tài sản giảm nhẹ từ 12,34% xuống 12,30% chủ yếu là nợ mua bán hàng ngày. Bên cạnh đó, nguồn vốn của Công ty chủ yếu là vốn chủ sở hữu cũng được ghi nhận giảm nhẹ. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ mức 14,08% xuống 14,02% trong năm 2024. Hệ số nợ phải trả so với nguồn vốn thấp cho thấy khả năng độc lập về mặt tài chính của Công ty, khả năng tài chính của công ty rất tốt do đó mức độ rủi ro tài chính từ những biến động trên thị trường tài chính là rất thấp.

III. Quản lý tài sản

1. Tình hình quản lý tài sản

a. Quản lý tiền và hàng tồn kho

- Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm là 2.946 trđ, bao gồm 64 trđ tiền mặt ; 2.882 trđ tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm cuối năm là các khoản tiền gửi kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng HD Bank, VP Bank, Vietinbank với lãi suất từ 4,12% đến 8,31%/năm.

- Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là 9.104 trđ. Các mặt hàng phân bón tồn kho cuối năm là hàng đang luân chuyển và còn hạn sử dụng.

b. Quản lý tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm là: 27.186 trđ, trong đó nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.170 trđ. Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm là: 285 trđ, giá trị còn lại đến cuối năm là: 254 trđ.

Nhìn chung, Công ty quản lý tài sản cố định tương đối chặt chẽ, có mở thẻ cho tất cả các tài sản hiện có; Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

2. Tình hình quản lý công nợ

- Tình hình quản lý công nợ phải thu

Chỉ tiêu	2024	2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	21.425.218.336	399.036.189
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.110.905.323	4.347.833.578
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	51.452.361	40.246.286
3. Phải thu ngắn hạn khác	238.690.975	236.786.648
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.975.830.323)	(4.225.830.323)

- Tổng nợ phải thu tại thời điểm cuối năm của Công ty là 21.425 trđ, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng 25.110 trđ, trả trước cho người bán 51 trđ, phải thu ngắn hạn khác 238 trđ. Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 98%.

- Tình hình quản lý công nợ phải trả :

- Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 14.755 trđ, chủ yếu là nợ phải trả trong kinh doanh với khoản phải trả người bán 4.278 trđ, người mua trả tiền trước 546 trđ, phải trả người lao động là 1.611 trđ, chi phí phải trả ngắn hạn là 3.547 trđ, phải trả ngắn hạn khác 1.753 trđ (*chủ yếu là tiền cổ tức phải trả cho cổ đông*), ... Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 98%.

- Công ty quản lý tình hình công nợ khá tốt, hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn. Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng tuân thủ quy định tại Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ của Công ty.

IV. Thực hiện nghĩa vụ, chế độ quy định

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (đvt: trđ)

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	35,47	269,45	283,47	21,46
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	641,66	1.012,37	906,60	747,42

- Thuế thu nhập cá nhân	37,40	167,87	180,98	24,29
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	10,80	229,83	240,62	-
- Lệ phí môn bài	-	9	9	-
Cộng	725,33	1.688,52	1.620,67	793,17

- Tổng số phải nộp NSNN trong năm là 1.688,52 trđ đạt 114,94 % so với kế hoạch.
- Công ty đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đã thực hiện kê khai và nộp tất cả các khoản thuế đúng theo quy định hiện hành.

2. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Trong năm, Công ty thực hiện trích lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Văn bản số 157/TCTCNTTP-HĐTV ngày 24/3/2025 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai v/v chấp thuận Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty. Tổng quỹ lương thực trích trong năm là 4.905,6 trđ, trong đó:

- Quỹ lương của người lao động là: 3.312 trđ, mức lương bình quân đạt 9,200 trđ/tháng/người;
- Quỹ lương của người quản lý là: 1.593,6 trđ, mức lương bình quân đạt 33,200 trđ/tháng/người.

Công ty đã thực hiện việc trích, chi trả lương theo quy định và thực hiện đầy đủ các khoản đóng bảo hiểm cho người lao động.

PHẦN B: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO

I. Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ tốt các quy định của pháp luật trong tất cả các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động tích cực, nắm bắt tình hình sâu sát, đề ra các định hướng và các giải pháp kịp thời, phù hợp nhằm khắc phục khó khăn giúp Công ty ổn định và phát triển.

2. Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp 06 phiên họp và ban hành các văn bản với các nội dung chính như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán và dự kiến phân phối lợi nhuận 2023 trình ĐHĐCĐ, các giải pháp thực hiện Kế hoạch năm 2024. Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- Thảo luận và đưa ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Nghị quyết về việc Phân bổ tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng – Phúc lợi NLD năm 2023.
- Nghị quyết về việc vay vốn tín dụng tại Vietinbank - Chi nhánh Đồng Nai.
- Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023 (tỷ lệ 4,0% mệnh giá CP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
- Nghị quyết HĐQT v/v thông qua giao dịch giữa Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai và Công ty cổ phần Cao su công nghiệp (là các công ty con trong Tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai).
- Các nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động Công ty như: Chọn đơn vị

kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024; Xây dựng chỉ tiêu nhiệm vụ KH SXKD năm 2025,....

II. Ban Lãnh Đạo

Trong năm, Hội đồng Quản trị giao cho Ban Lãnh Đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Lãnh Đạo đã có những định hướng, kế hoạch phát triển đúng đắn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Lãnh Đạo đã phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, luôn đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả.

Ban Lãnh Đạo đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

III. Đánh giá chung

Năm 2024, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh Đạo cùng với toàn thể người lao động đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp trong SXKD nhằm khắc phục khó khăn và mang lại lợi nhuận cho Công ty, vốn Công ty được bảo toàn. Tình hình tài chính Công ty hiện tại là an toàn, ổn định.

PHẦN C: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ. Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung chính là thẩm định BCTC và lập dự thảo báo cáo BKS trình Đại hội cổ đông thường niên, đồng thời BKS cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác trong năm. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình SXKD, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và việc tuân thủ các quy định pháp luật.

Trong hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị: Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty; qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện tốt hơn.

Các khoản thu nhập từ lương, thưởng và thù lao trong năm 2024 của Ban kiểm soát phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2024, theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Văn bản số 157/TCTCNTP-HĐTV ngày 24/3/2025 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai v/v chấp thuận Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty. Trong năm, số tiền thực nhận chi tiết như sau:

Họ tên	Chức vụ	Lương (VND)	Thù lao (VND)
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS chuyên trách	266.670.824	-
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Kiểm soát viên	-	30.000.000
Nguyễn Thị Diệu Linh	Kiểm soát viên	-	30.000.000
Cộng		266.670.824	60.000.000

PHẦN D: KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh Đạo Công ty:

- Duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có ưu thế. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường và tăng cường công tác tiếp thị để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện tốt việc quản lý công nợ, tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi. Rà soát các tài liệu, chứng từ liên quan đến những công nợ phải thu khó đòi đã xử lý trích lập dự phòng để tiến hành xử lý nợ theo quy định.

- Tiếp tục chú trọng và làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD và quản lý của Công ty.

PHẦN E: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2025

Để hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế, quy định của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động, tiền lương và các chế độ đối với người lao động.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

- Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

Trên đây là toàn văn Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- ĐHĐ cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: BKS Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Đoàn Tuấn Anh



Số: /TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, bao gồm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2024 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.docam.vn) và đính kèm trong tài liệu Đại hội.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm tài chính 2023
1	Tổng tài sản	Đồng	120.016.041.355
2	Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	Đồng	219.955.191.928
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.951.848.860
4	Thuế TNDN	Đồng	1.012.369.772
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	3.939.479.088
6	Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	Đồng	1.688.520.050

Báo cáo tài chính với số liệu trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán xác nhận “phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán nêu trên theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Thị Anh Thy

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2024
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 27/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- Căn cứ Chương trình, tài liệu họp và các nội dung đã báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH/ KH tăng, giảm (%)
1. Tổng sản lượng	Tấn	20.000	19.654	- 1,73%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	180.350	219.955	+ 21,96%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.700	4.951	+ 5,34%
4. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.760	3.939	+ 4,76%
5. Tỷ suất lợi nhuận/ vốn CSH	%	3,74	3,91	+ 4,54%
6. Phải nộp ngân sách	Triệu đồng	1.469	1.688	+ 14,90%

2. Thông qua Kế hoạch SXKD - tài chính năm 2025 với các chỉ tiêu như sau:

a) Kế hoạch SXKD - tài chính năm 2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
- Tổng sản lượng tiêu thụ:	Tấn	18.000
trong đó:		
+ Phân bón kinh doanh:	Tấn	14.995
+ Nông sản, lúa giống:	Tấn	3.005
- Tổng doanh thu:	Triệu đồng	202.605
- Lợi nhuận trước thuế:	Triệu đồng	5.050
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	4.040
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	4,02
- Các khoản phát sinh nộp ngân sách:	Triệu đồng	1.300

b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm tài chính 2025

Lợi nhuận sau thuế TNDN 4.040 triệu đồng được phân phối như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển: không trích.

+ Trích tiền thưởng, phúc lợi của người lao động (bao gồm cả thành viên Ban Điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động); Tiền thưởng của Ban Điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên: thực hiện theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn và phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

+ Chia cổ tức: dự kiến tỉ lệ cổ tức tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.

HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ kết quả SXKD năm 2025 để quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2025 cho cổ đông và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

Căn cứ vào Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch SXKD - tài chính năm 2025 đã trình bày trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Anh Thy

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025



Số: ***
/TT-BKS

TỜ TRÌNH
V/v thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2024 (*Báo cáo của Ban Kiểm soát được đính kèm trong tài liệu Đại hội*).

Trân trọng kính trình./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đoàn Tuấn Anh

TỜ TRÌNH

Về phân phối lợi nhuận năm 2024

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- ## 2. Phân phối lợi nhuận:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích

+ NLĐ: 808.000.000 đồng (không quá 3 tháng lương bình quân)

+ NQL: 192.000.000 đồng (không quá 1,5 tháng lương bình quân NQL chuyên trách; không quá 1,5 tháng thù lao NQL không chuyên trách)

$$3.939.479.088 \text{ đồng} - 1.000.000.000 \text{ đồng} = 2.939.479.088 \text{ đồng}$$
$$2.939.479.088 \text{ đồng} + 66.339.133 \text{ đồng} = 3.005.818.221 \text{ đồng}$$

Dự kiến chia cổ tức **3%** tương ứng giá trị 3.000.000.000 đồng

c) Lợi nhuận còn lại: $3.005.818.221 \text{ đ} - 3.000.000.000 \text{ đ} = 5.818.221 \text{ đồng}$

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như trên để thực hiện theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Anh Thy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025



Số: /TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

***Về: Thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, phụ trách quản trị
và tiền lương của Người quản lý chuyên trách***

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

A. THÙ LAO:

I. Thù lao thực hiện năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua Nghị quyết về mức thù lao năm 2024 của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phụ trách quản trị. Tổng mức thù lao năm 2024 đã thực hiện là 156 triệu đồng, trong đó:

- Thù lao HĐQT: 84 triệu đồng.
- Thù lao Ban Kiểm soát: 60 triệu đồng.
- Thù lao Phụ trách quản trị: 12 triệu đồng.

II. Kế hoạch thù lao năm 2025:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhân sự của Công ty, xin báo cáo mức thù lao dự kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và Người Phụ trách quản trị như sau:

1. Mức thù lao thành viên HĐQT:

Hiện nay, do Công ty chưa có Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty làm việc chuyên trách tại Công ty sẽ nhận tiền lương (không hưởng thù lao); mức tiền lương thực hiện theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.

- Chủ tịch HĐQT (trường hợp kiêm nhiệm): thù lao 5 triệu đồng/ tháng
- Phó chủ tịch HĐQT: 4 triệu đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 3 triệu đồng/tháng

2. Mức thù lao Kiểm soát viên, phụ trách quản trị:

- Trưởng BKS (chuyên trách): không có thù lao; hưởng lương chuyên trách theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
- Thù lao Kiểm soát viên: 2,5 triệu đồng/tháng/người
- Thù lao Phụ trách quản trị: 01 triệu đồng/tháng.

B. TIỀN LƯƠNG:

Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách năm 2025 (Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng): thực hiện theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, và các Thông tư hướng dẫn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Anh Thy



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
BAN KIỂM SOÁT**

Số: / TT-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cập nhật đến ngày 01/01/2025);

Để việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2025 được kịp thời, thuận lợi và đảm bảo các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Xem xét phê duyệt danh sách 03 đơn vị kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

STT	Tên Công ty kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Tầng 03 Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, P. 01, Q. 4, TP. HCM
2	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM
3	Công Ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Đất Việt (VIETLAND CO., LTD)	02 Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

2. Xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai theo đúng quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đoàn Tuấn Anh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN

VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v hết nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
Thông qua số lượng và danh sách các ứng viên để bầu thành viên
Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông về việc đề cử tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 18/4/2025;
- Xét tình hình thực tế của Công ty,

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và hết nhiệm kỳ tại ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Tại Đại hội này, sẽ bầu các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2025 – 2030. Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua các nội dung về số lượng, cơ cấu và danh sách các ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

I. Thông qua số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 03 người (trong đó 01 người là Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 người là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành).
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người (trong đó 01 người là Trưởng Ban kiểm soát, làm việc theo chế độ chuyên trách).

II. Báo cáo tổng hợp danh sách các ứng viên do Cổ đông Nhà nước (Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai) và Cổ đông lớn, cổ đông khác đề cử tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1. Các ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cổ đông Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (sở hữu 72,108% tổng số cổ phần) đề cử các ứng cử viên sau:

- Đề cử Bà Phan Thị Anh Thy, hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, đại diện sở hữu 3.210.800 cổ phần (tương ứng với 32,108% phần vốn của Tổng công ty tại Công ty), tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đề cử Ông Ngô Huỳnh Minh, hiện là Phó giám đốc Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, đại diện sở hữu 2.000.000 cổ phần (tương ứng với 20% phần vốn của Tổng công ty tại Công ty), tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đề cử Bà Nguyễn Thị Kim Quy, hiện là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, Trưởng phòng Tổ chức lao động Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, đại diện sở hữu 2.000.000 cổ phần (tương ứng với 20% phần vốn của Tổng công ty tại Công ty), tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030.

b) Các cổ đông, nhóm cổ đông khác: Không có đề cử ứng viên

2. Các ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Cổ đông Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (sở hữu 72,108% tổng số cổ phần) đề cử các ứng cử viên sau:

- Đề cử Bà Nguyễn Thị Diệu Linh, hiện là Nhân viên Phòng Quản trị và kiểm toán nội bộ Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Đề cử Bà Ngô Thị Cẩm Hà, hiện là Nhân viên Phòng Quản trị và kiểm toán nội bộ Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Và chấp thuận theo đề xuất của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai đề cử Ông Đoàn Tuấn Anh hiện là Trưởng Ban kiểm soát Công ty, tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

b) Các cổ đông, nhóm cổ đông khác: Không có đề cử ứng viên.

III. Thông qua danh sách các ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

1. Danh sách các ứng cử viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định để bầu vào Hội đồng quản trị:
 - Bà Phan Thị Anh Thy - Thành viên Hội đồng quản trị
 - Ông Ngô Huỳnh Minh - Thành viên Hội đồng quản trị
 - Bà Nguyễn Thị Kim Quy - Thành viên Hội đồng quản trị
2. Danh sách các ứng cử viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định để bầu vào Ban kiểm soát:
 - Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thành viên Ban kiểm soát
 - Bà Ngô Thị Cẩm Hà - Thành viên Ban kiểm soát
 - Ông Đoàn Tuấn Anh - Thành viên Ban kiểm soát

Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua số lượng, cơ cấu và danh sách các ứng cử viên nêu trên để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Anh Thy



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUY CHẾ

V/v: Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (NK 2025-2030)

tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

A) BẦU THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025- 2030

Điều 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu là 03 thành viên.

Điều 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu là 5 năm (2025 – 2030).

Thành viên của Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị được quy định như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ ứng cử viên.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của người ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị

* Tiêu chuẩn của những người ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị theo Điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai cụ thể như sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Điều kiện trúng cử Hội đồng quản trị

8.1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp (hoặc ủy quyền) tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu biểu quyết bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

8.2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

B) BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025- 2030

Điều 9. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 11. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu/ đại diện ủy quyền nhân



Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2025

DỰ THẢO:

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600333736
do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp,
đăng ký lần đầu ngày 01/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/9/2023

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được tổ chức tại Khách sạn Đồng Nai địa chỉ số 57 Phạm Văn Thuận phường Tân Tiến thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào lúc 8 giờ 00 ngày 20 tháng 6 năm 2025. Cócổ đông với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền dự họp đại diện chocổ phần, bằng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (.....% vốn điều lệ).

Đại hội đã thảo luận và ra Nghị quyết các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội nhất trí thông qua các vấn đề sau:

Vấn đề 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với tỉ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025, với tỉ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 3. Thông qua nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu và nội dung chủ yếu như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2025:

- Tổng Doanh thu: 202,605 tỷ đồng
(Tương ứng sản lượng tiêu thụ: 18.000 tấn các loại (phân bón, nông sản,...))
- Các khoản phát sinh nộp Ngân sách: 1,300 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5,050 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 4,040 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH: 4,02%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025:

- * Lợi nhuận sau thuế TNDN: 4,040 tỷ đồng
- * Phân phối lợi nhuận:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích lập.

- Trích tiền thưởng, phúc lợi người lao động (bao gồm cả thành viên Ban Điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động); Tiền thưởng của Ban điều hành, thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên: thực hiện theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn và phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Cổ tức năm 2025: dự kiến chia cổ tức tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.

HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ kết quả SXKD năm 2025 để quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2025 cho cổ đông và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

Đại hội thông qua nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2025 như trên với tỷ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2024, với tỉ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 5. Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2024, với tỉ lệ:% số phiếu tán thành, cụ thể:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước còn lại: 66.339.133 đồng

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024: 3.939.479.088 đồng

2. Phân phối lợi nhuận:

a) Lợi nhuận năm 2024 phân phối các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động (NLD), quỹ thưởng người quản lý (NQL): tổng số 1.000.000.000 đồng (*trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLD 808.000.000 đồng, Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách 192.000.000 đồng*).

- Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ:

$3.939.479.088 \text{ đồng} - 1.000.000.000 \text{ đồng} = 2.939.479.088 \text{ đồng}$

b) Lợi nhuận để chia cổ tức và tỉ lệ cổ tức:

$2.939.479.088 \text{ đồng} + 66.339.133 \text{ đồng} = 3.005.818.221 \text{ đồng}$

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, tỉ lệ cổ tức: 3%/ mệnh giá cổ phiếu, tương đương **3.000.000.000 đồng**.

c) Lợi nhuận còn lại: $3.005.818.221 \text{ đ} - 3.000.000.000 \text{ đ} = 5.818.221 \text{ đồng}$

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức năm 2024 theo đúng quy định hiện hành.

Vấn đề 6. Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty năm 2025.

* Tiền lương: Hiện nay, do Công ty chưa có Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty làm việc chuyên trách tại Công ty và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách sẽ nhận tiền lương (không hưởng thù lao); mức tiền lương thực hiện theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn.

* Thù lao: mức thù lao năm 2025 (đồng/ người/ tháng) như sau:

- Chủ tịch HĐQT (trường hợp kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng
- Phó Chủ tịch HĐQT: 4.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng
- Kiểm soát viên: 2.500.000 đồng
- Người Phụ trách quản trị: 1.000.000 đồng

Đại hội thông qua tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người phụ trách quản trị với tỉ lệ:% số phiếu tán thành;

Vấn đề 7. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập (chọn một trong ba đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam và Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt), với tỷ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 8. Bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2025 - 2030

* Toàn bộ các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 cùng hết nhiệm kỳ tại ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

* Đại hội đã thông qua tờ trình về cơ cấu, số lượng, danh sách các ứng viên tham gia HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030; Biểu quyết với tỷ lệ% số phiếu tán thành.

8.1 Kết quả bầu thành viên HĐQT

a) Đại hội đã bầu các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030, gồm các ông bà sau:

- Bà Phan Thị Anh Thy, thành viên HĐQT với tỷ lệ:.....% số phiếu bầu.
- Ông Ngô Huỳnh Minh, thành viên HĐQT với tỷ lệ:.....% số phiếu bầu.
- Bà Nguyễn Thị Kim Quy, thành viên HĐQT với tỷ lệ:.....% số phiếu bầu.

Tổng số thành viên HĐQT là 3 (ba) người.

b) Sau khi Đại hội bầu, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2025 - 2030) đã họp, bầu phân công nhiệm vụ các thành viên như sau:

- [illegible]

8.2 Kết quả bầu thành viên BKS

a) Đại hội đã bầu các thành viên BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030, gồm các ông bà sau:

- Ông Đoàn Tuấn Anh, thành viên BKS với tỷ lệ:.....% số phiếu bầu.
- Bà Nguyễn Thị Diệu Linh, thành viên BKS với tỷ lệ:.....% số phiếu bầu.
- Bà Ngô Thị Cẩm Hà, thành viên BKS với tỷ lệ:.....% số phiếu bầu.

Tổng số thành viên BKS là 3 (ba) người.

b) Sau khi Đại hội bầu, các thành viên BKS nhiệm kỳ mới (2025 - 2030) đã họp, bầu phân công nhiệm vụ các thành viên như sau:

- Ông/bà , làm nhiệm vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Ông/ bà , làm nhiệm vụ: Thành viên BKS
- Ông/ bà , làm nhiệm vụ: Thành viên BKS

Toàn bộ các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã ra mắt nhận nhiệm vụ trước Đại hội đồng cổ đông.

*** Việc khác:** Di dời trụ sở chính khỏi KCN Biên Hòa 1 và thanh lý tài sản.

Hội đồng quản trị đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc di dời trụ sở chính công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo Thông báo số 416/TB-UBND ngày 11/4/2025 của UBND TP. Biên Hòa về thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hoà 1 thành Khu đô thị - thương mại- dịch vụ và cải thiện môi trường như sau:

- Thời hạn hoàn thành: Chậm nhất tháng 12/2025.
- Thanh lý tài sản cố định gắn liền với đất và tài sản không sử dụng khi di dời với tổng số 32 tài sản, tổng nguyên giá: 16.570.700.345 đồng, đã khấu hao hết, giá trị còn lại: 0 đồng (*Bảng chi tiết đính kèm báo cáo tại Đại hội*). Hội đồng quản trị giao Ban Điều hành tiến hành tổ chức thanh lý tài sản cố định theo trình tự, thủ tục quy định.

- Lý do thanh lý: Nhà nước thu hồi đất Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

- Địa điểm chuyển đến: Do thủ tục đầu tư rất dài nên trước mắt trong năm 2025 Công ty sẽ tiến hành thuê văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa trong vòng 2 – 3 năm. Song song đó, tiến hành thủ tục chuẩn bị đầu tư mới trụ sở làm việc và nhà kho với quy mô phù hợp tại địa điểm mới (trong khu công nghiệp/cụm công nghiệp) để trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua toàn văn trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này; Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình, đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty./.

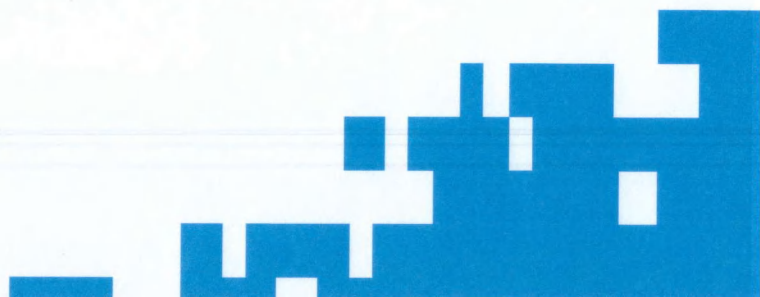
Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu VT, HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

5 – 6

7

8 – 9

10 – 29



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch
Ông Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Số: 284/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Lê Việt Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.074.823.831	120.194.763.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.945.991.793	16.215.256.869
1. Tiền	111		2.945.991.793	4.715.256.869
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.500.000.000	99.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	85.500.000.000	99.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.425.218.336	399.036.189
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	25.110.905.323	4.347.833.578
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.452.361	40.246.286
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		238.690.975	236.786.648
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(3.975.830.323)	(4.225.830.323)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	9.104.334.076	4.464.589.892
1. Hàng tồn kho	141		9.104.334.076	4.464.589.892
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		99.279.626	115.880.301
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.279.626	115.880.301
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		938.217.524	1.222.802.114
I. Tài sản cố định	220		254.075.078	538.659.668
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	254.075.078	538.659.668
Nguyên giá	222		27.186.129.977	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.932.054.899)	(26.647.470.309)
II. Tài sản dài hạn khác	260		684.142.446	684.142.446
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	684.142.446	684.142.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		120.013.041.355	121.417.565.365

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.755.072.783	14.987.075.881
I. Nợ ngắn hạn	310		14.755.072.783	14.987.075.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	4.278.332.352	2.946.117.648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		546.314.330	1.371.160.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	793.171.196	725.330.391
4. Phải trả người lao động	314	4.9	1.611.063.740	2.287.351.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	3.546.507.459	3.545.197.355
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	108.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	1.752.662.125	1.752.554.625
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	2.227.021.581	2.251.363.477
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.257.968.572	106.430.489.484
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	105.257.968.572	106.430.489.484
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		568.007.905	568.007.905
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.689.960.667	5.862.481.579
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		750.481.579	1.145.188.112
LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.939.479.088	4.717.293.467
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		120.013.041.355	121.417.565.365



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	219.955.191.928	236.329.402.238
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		219.955.191.928	236.329.402.238
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	209.486.580.721	225.286.622.507
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.468.611.207	11.042.779.731
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.930.112.344	7.520.167.446
6. Chi phí tài chính	22		194.109.068	512.711.983
Trong đó, chi phí lãi vay	23		191.233.549	493.797.668
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.557.179.481	5.841.426.719
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.725.777.579	6.290.228.014
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.921.657.423	5.918.580.461
10. Thu nhập khác	31		44.191.437	2.036.372
11. Chi phí khác	32		14.000.000	-
12. Lợi nhuận khác	40		30.191.437	2.036.372
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.951.848.860	5.920.616.833
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.012.369.772	1.156.319.083
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	-	47.004.283
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.939.479.088	4.717.293.467
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.3	294	361
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	294	361

Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQTNgô Huỳnh Minh
Kế toán trưởngNgô Huỳnh Minh
Người lập

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.951.848.860	5.920.616.833
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	284.584.590	441.444.486
Các khoản dự phòng	03		(250.000.000)	(2.051.701)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.768.874.949)	(7.225.690.613)
Chi phí lãi vay	06		191.233.549	493.797.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		408.792.050	(371.883.327)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.776.182.147)	2.153.556.757
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.639.744.184)	3.852.429.023
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(314.376.402)	2.295.620.607
Tăng giảm chi phí trả trước	12		16.600.675	66.325.803
Tiền lãi vay đã trả	14		(191.233.549)	(493.797.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(906.604.572)	(901.426.313)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.136.341.896)	(848.435.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.539.090.025)	5.752.389.779
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(160.500.000.000)	(170.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		174.000.000.000	180.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.768.874.949	7.225.690.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.268.874.949	16.725.690.613

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	30.786.368.800	44.064.567.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(30.786.368.800)	(44.064.567.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(3.999.050.000)	(14.467.211.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.999.050.000)	(14.467.211.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(13.269.265.076)	8.010.869.392
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		16.215.256.869	8.204.387.477
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60)	70	4.1	2.945.991.793	16.215.256.869



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11	72.108.000.000	72,11
Cổ đông khác	Việt Nam	27.892.000.000	27,89	27.892.000.000	27,89
Cộng		100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34 (31/12/2023: 35).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh phân bón, nông sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực buôn bán phân bón, khoai mì, lúa giống và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 20, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 1, Khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Tỉnh lộ 768, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	629 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 06 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống, phân bón: Không chịu thuế;
- Nông sản: Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	64.383.280	90.953.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.881.608.513	4.624.303.573
Các khoản tương đương tiền	-	11.500.000.000
Cộng	2.945.991.793	16.215.256.869

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,12% đến 8,31%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thiên Lộc	3.799.088.179	4.049.088.179
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT – Vinataba (*)	15.281.200.000	-
Công ty TNHH MTV Tường Dung An Giang	5.846.500.000	-
Các khách hàng khác	184.117.144	298.745.399
Cộng	25.110.905.323	4.347.833.578

(*) Đây là khoản phải thu từ Hợp đồng mua bán phân bón ba bên với Công ty TNHH Kim Ngọc với số tiền 7.640.600.000 VND và Công ty Cổ phần Hoà Việt với số tiền 7.640.600.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.975.830.323	-	4.225.830.323	-

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số đầu năm		
Trích lập trong năm	4.225.830.323	3.284.103.869
Hoàn nhập trong năm	-	941.726.454
	(250.000.000)	-
Số cuối năm	3.975.830.323	4.225.830.323

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thiên Lộc	3.799.088.179	-	Trên 3 năm	4.049.088.179	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	176.742.144	-	Trên 3 năm	176.742.144	-	Trên 3 năm
Cộng	3.975.830.323	-		4.225.830.323	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Tại ngày 31/12/2024	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	23.867.668.687 182.954.598	1.690.442.943	999.035.043 101.629.992	90.323.636	26.647.470.309 284.584.590
Tại ngày 31/12/2024	24.050.623.285	1.690.442.943	1.100.665.035	90.323.636	26.932.054.899
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	182.954.616	-	355.705.052	-	538.659.668
Tại ngày 31/12/2024	18	-	254.075.060	-	254.075.078

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.169.829.977 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	1.278.000.000	1.278.000.000	-	-
Công ty TNHH Phân bón Nguyễn Ngọc	756.562.000	756.562.000	1.276.875.000	1.276.875.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	696.987.500	696.987.500	1.011.210.000	1.011.210.000
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	744.750.000	744.750.000	329.800.000	329.800.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	802.032.852	802.032.852	328.232.648	328.232.648
Cộng	4.278.332.352	4.278.332.352	2.946.117.648	2.946.117.648

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2024
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	21.457.735	269.445.394	283.466.380	35.478.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	747.422.534	1.012.369.772	906.604.572	641.657.334
Thuế thu nhập cá nhân	24.290.927	167.872.252	180.978.323	37.396.998
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	229.832.632	240.629.970	10.797.338
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	793.171.196	1.688.520.050	1.620.679.245	725.330.391

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12 và quỹ lương còn phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Trích tiền thuê đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT	3.420.712.229	3.420.712.229
Các khoản trích trước khác	125.795.230	124.485.126
Cộng	3.546.507.459	3.545.197.355

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.751.688.000	1.750.738.000
Các khoản phải trả khác	974.125	1.816.625
Cộng	1.752.662.125	1.752.554.625

4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2024	2.251.363.477
Trích trong năm	1.112.000.000
Chi trong năm	(1.136.341.896)
Tại ngày 31/12/2024	2.227.021.581

4.13. Vốn chủ sở hữu**4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	100.000.000.000	568.007.905	13.486.188.112	114.054.196.017
Lãi trong năm trước	-	-	4.717.293.467	4.717.293.467
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.341.000.000)	(2.341.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	100.000.000.000	568.007.905	5.862.481.579	106.430.489.484
Lãi trong năm nay	-	-	3.939.479.088	3.939.479.088
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.112.000.000)	(1.112.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	100.000.000.000	568.007.905	4.689.960.667	105.257.968.572

Việc phân phối lợi nhuận trong năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.939.479.088	4.717.293.467
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.000.000.000)	(1.112.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.939.479.088	3.605.293.467
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	294	361

4.13.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.939.479.088	4.717.293.467
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.000.000.000)	(1.112.000.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.939.479.088	3.605.293.467
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	294	361

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế của năm 2024.

4.13.5. Cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	1.750.738.000	6.217.949.000
Cổ tức phải trả	4.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(3.999.050.000)	(14.467.211.000)
Số dư cuối năm	1.751.688.000	1.750.738.000

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.871,90	647,42

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng (*)	217.153.297.313	233.294.843.944
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.801.894.615	3.034.558.294
Cộng	219.955.191.928	236.329.402.238
(*) Trong đó, doanh thu bán hàng cho bên liên quan - Xem thêm Mục 8	307.125.000	-

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	209.486.580.721	226.230.400.662
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(943.778.155)
Cộng	209.486.580.721	225.286.622.507

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm	4.768.874.949	7.232.436.865
Lãi bán hàng trả chậm	161.237.395	12.585.194
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	275.145.387
Cộng	4.930.112.344	7.520.167.446

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	3.028.244.550	3.341.139.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.954.598	339.814.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.997.992.672	1.837.107.242
Chi phí khác	347.987.661	323.365.483
Cộng	5.557.179.481	5.841.426.719

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.384.997	127.052.186
Chi phí nhân viên	3.199.254.000	3.271.801.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.629.992	101.629.992
Tiền thuê đất và phí, lệ phí	519.198.868	301.739.370
Chi phí dự phòng	-	941.726.454
Hoàn nhập dự phòng	(250.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	918.665.794	1.224.504.495
Chi phí khác	104.643.928	321.774.167
Cộng	4.725.777.579	6.290.228.014

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá mua hàng hóa	209.477.649.984	217.039.086.268
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.691.420	9.431.113.703
Chi phí nhân viên	6.227.498.550	6.941.118.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	284.584.590	441.444.486
Chi phí dự phòng	-	941.726.454
Hoàn nhập dự phòng	(250.000.000)	(943.778.155)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.435.857.334	3.084.473.085
Chi phí khác	286.255.903	483.092.952
Cộng	219.769.537.781	237.418.277.240

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.951.848.860	5.920.616.833
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng:		
<i>Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	96.000.000	96.000.000
<i>Phạt vi phạm hành chính về đăng ký đất đai</i>	14.000.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước</i>	-	(235.021.416)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.061.848.860	5.781.595.417
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.012.369.772	1.156.319.083

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo KQHĐKD	
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thuê đất trích trước	684.142.446	684.142.446	-	-
Lỗi đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	47.004.283
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	684.142.446	684.142.446	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	47.004.283

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.786.368.800	44.064.567.500

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(30.786.368.800)	(44.064.567.500)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		TP.Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	182.776.486.928	194.697.587.238	37.178.705.000	41.631.815.000	219.955.191.928	236.329.402.238
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp					10.468.611.207	11.042.779.731
Thu nhập tài chính	10.424.349.207	11.000.828.231	44.262.000	41.951.500	4.930.112.344	7.520.167.446
Chi phí tài chính					(194.109.068)	(512.711.983)
Chi phí bán hàng					(5.557.179.481)	(5.841.426.719)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(4.725.777.579)	(6.290.228.014)
Lợi nhuận khác					30.191.437	2.036.372
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(1.012.369.772)	(1.156.319.083)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-	(47.004.283)
Lợi nhuận sau thuế					3.939.479.088	4.717.293.467

Tất cả tài sản và nợ phải trả của Công ty đều ở tỉnh Đồng Nai.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
--	-------------------------	-------------------------

Doanh thu bán hàng – Xem thêm Mục 5.1:

Công ty Cổ phần Cao Su Công nghiệp	307.125.000	-
------------------------------------	-------------	---

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	703.931.799	529.178.122
Ông Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	544.094.761	440.815.190
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	319.167.812	241.771.763
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Ông Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng	411.640.847	324.995.972
Cộng		2.074.835.219	1.632.761.047

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2025